

Bản án số: 467/2023/HS-PT  
Ngày: 27-9-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Chí Công**

Ông **Nguyễn Tấn Long.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông **Trần Việt Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 326/2023/TLPT-HS ngày 10-7-2023 đối với bị cáo Trương Văn M và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 18-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị cáo kháng cáo:**

**1.** Trương Văn M, sinh ngày 20-11-1995, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ con, hiện chung như vợ chồng với chị Phí Thị H, sinh năm 2000 (không đăng ký kết hôn); tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 13-6-2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M3'Đrăk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Bán bạc, bằng hình thức phạt tiền (chưa chấp hành).

Bị cáo bị bắt ngày 20-7-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**2.** Phạm Hoàng A (tên gọi khác: Đen hảo), sinh ngày 03-8-2000, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn F, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phạm Toàn T, sinh năm 1975 và bà Trương Thị H1, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bắt ngày 20-7-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**3.** Hoàng Phúc H2, sinh ngày 25-02-1995, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn G, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Hoàng Phúc L1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M1 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 20-7-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**4.** Trương Ngọc Đ1, sinh ngày 09-11-1997, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Sửa xe máy; con ông Trương Văn Đ2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 20-7-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**5.** Trương Đức L2, sinh ngày 02-7-2000, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn F, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trương Văn P, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 02-02-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**6.** Nguyễn Bình N, sinh ngày 06-12-1997, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**7.** Hoàng Trọng H3, sinh ngày 18-8-2000, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn F, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Sửa xe máy; con ông Hoàng Văn H4, sinh năm 1970 và bà Võ Thị D, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**8.** Nguyễn Văn N2, sinh ngày 19-5-2002, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**9.** Lê Huy H5 (tên gọi khác: Cún V), sinh ngày 26-11-2004, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn F, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Nguyên V1, sinh năm 1978 và bà Hồ Thị M2, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 20-7-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**10.** Đoàn Đức L3, sinh ngày 16-7-2005, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn E, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đoàn Văn L4 (đã chết) và bà Lê Thị T3, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 21-10-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

**11.** Đặng Thanh P1, sinh ngày 01-01-2004, tại Đắk Lắk; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn E, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đặng Thanh N3, sinh năm 1979 và bà Trần Thị T4, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 02-02-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

*- Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

*Người bào chữa:*

**1.** *Người bào chữa cho bị cáo* Trương Văn M:

Luật sư Nguyễn Minh H6 - Công ty L8; địa chỉ: Số B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2.** *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Hoàng A:

Bà Hoàng Thị T5 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; địa chỉ: Số C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

**3.** *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Phúc H2:

Luật sư Nguyễn Trung S - Công ty L9 và Cộng sự; địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

**4.** *Người bào chữa cho bị cáo* Trương Ngọc Đ1:

Luật sư Trần Trọng H7 - Văn phòng L10, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số A M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**5.** *Người bào chữa cho các bị cáo* Đoàn Đức L3 và Trương Đức L2:

Ông Phùng Văn H8 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; địa chỉ: Số C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**6.** *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Bình N:

Ông Nguyễn Hữu H9 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; địa chỉ: Số C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

*7. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Trọng H3:*

**7.1.** Luật sư Y Ngun Ê - Văn phòng L11, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

**7.2.** Luật sư Nguyễn Khánh L5 - Công ty L12 và Cộng sự, có mặt tại phiên tòa.

*8. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N2:*

**8.1.** Luật sư Đỗ Thạch B1, thuộc Công ty L13; địa chỉ: B T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**8.2.** Luật sư Nguyễn Khánh L5 - Công ty L12 và Cộng sự, có mặt tại phiên tòa.

*9. Người bào chữa cho bị cáo Lê Huy H5:*

**9.1.** Ông Phùng Văn H8 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; địa chỉ: Số C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**9.2.** Luật sư Đinh Xuân T6 - Văn phòng L14, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

*10. Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thanh P1:*

Luật sư Hoàng Thị Thanh T7 - Văn phòng L15, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số H G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Đức L3:*

Bà Lê Thị T3, sinh năm 1973 (là mẹ đẻ của bị cáo); địa chỉ cư trú: Thôn E, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

**1.** Anh Nguyễn Chí T8, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**2.** Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*(Vụ án còn có 10 bị cáo khác, nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị; có 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01-01-2022, trong lúc Hoàng Đình P2 cùng với Trương Văn M, Hàng Quốc V2, Nguyễn Bình N, Lê Huy G, Hoàng Phúc H2, Đoàn Văn S1, Lê Hữu D1 và Vũ Văn T9 đang uống rượu tại quán N4, thuộc thôn A, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, thì anh Lương Văn H10 điện thoại cho Hoàng Đình P2 và nói P2 đến

phòng trọ của Nguyễn Văn P3 tại khu nhà trọ của ông Huỳnh Thế C, địa chỉ tổ dân phố A, thị trấn M'Đrăk, huyện M, tỉnh Đắk Lắk để giảng hòa mâu thuẫn, vì trước đó (ngày 29-12-2021), giữa Hoàng Đình P2 đã xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau với Nguyễn Văn P3. Do bức tức Nguyễn Văn P3 và bị Lương Văn H10 gọi điện thoại, nên Hoàng Đình P2 đã rủ Trương Văn M, H, Nguyễn Bình N, Lê Huy G, Hoàng Phúc H2, Đoàn Văn S1, Lê Hữu D1, Hồ Xuân P4 và Vũ Văn T9 đi với P2 để đánh Nguyễn Văn B2 và Nguyễn Văn P3. Ngoài các đối tượng đang có mặt tại quán N4, thì P2 còn điện thoại cho Nguyễn Văn N2 rủ tham gia cùng, nhưng N2 đang đi làm (không có mặt tại huyện M), N2 không đi, nên N2 điện thoại cho Phan Văn Ngọc H11 và nói H11 đi giúp P2 đánh nhau, thì được H11 đồng ý. Lúc này, Hàng Quốc V2 cũng điện thoại cho Nguyễn Văn T10 rủ đi đánh nhau giúp P2, còn Hồ Xuân P4 thì điện thoại cho Phạm Hoàng A để mượn mã tấu làm hung khí. Lúc nghe điện thoại của Hồ Xuân P4, thì Phạm Hoàng A đang uống cà phê cùng Trương Ngọc Đ1, Hoàng Trọng H3, Trương Đức L2 tại xã E, huyện M'Đrăk (cách vị trí của Hồ Xuân P4 khoảng 10 km). Sau khi nhận được điện thoại, biết sắp có đánh nhau nên Phạm Hoàng A cầm theo một mã tấu và rủ Trương Ngọc Đ1, Hoàng Trọng H3, Trương Đức L2 đi cùng, thì Trương Ngọc Đ1 cầm theo một gậy ba khúc, Trương Đức L2 cầm theo một Cờ lê 21 bằng kim loại cùng với Hoàng Trọng H3 chạy xe mô tô đến chỗ Hồ Xuân P4 để tham gia đánh nhau. Trong lúc Hồ Xuân P4 điện thoại cho Phạm Hoàng A, thì Hoàng Đình P2 cùng Trương Văn M và Hàng Quốc V2 về nhà lấy hung khí, còn Lê Hữu D1 đến vườn cây cao su (cách quán N4 khoảng 500 m) lấy một bao hung khí (gồm nhiều thanh kim loại) mà D1 đã giấu trước đó. Sau đó, Hoàng Đình P2 cầm theo một thanh kim loại, một đầu có gắn lưỡi dao bằng kim loại, Trương Văn M cầm theo hai thanh kim loại, Hàng Quốc V2 cầm theo một cây đinh ba quay lại quán N4 và M đưa cho Nguyễn Bình N một thanh kim loại để làm hung khí, còn Lê Hữu D1 cầm bao hung khí để trước quán N4. Lúc này, tại quán ăn V3 (bên cạnh quán N4) có mặt Lê Huy H5, Nguyễn Văn P5, Đoàn Đức L3, Đặng Thanh P1, do nghe Hồ Xuân P4 và Hàng Quốc V2 nói chuyện, nên biết được nhóm của Hoàng Đình P2 đang chuẩn bị hung khí để đánh nhau, do đó cũng tham gia cùng nhóm Hoàng Đình P2 đi đánh nhau. Lúc này, Lê Huy H5 chạy xe mô tô về tiệm sửa xe mô tô của Hoàng Trọng H3 (cách đó khoảng 10 km) để lấy hung khí là một cây mã tấu.

Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, sau khi chuẩn bị hung khí thì Hoàng Đình P2 cùng các đối tượng tập trung tại cổng chào thôn H, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (cách quán Hạ Lù 02 km) để chuẩn bị đến phòng trọ của Nguyễn Văn P3. Khi tập trung thì Trương Văn M, Hàng Quốc V2 và Hồ Xuân P4 cùng nhau đi một xe mô tô đến một xưởng gỗ gần đó lấy thêm một bó gậy gỗ (không rõ số lượng, nhiều chủng loại) rồi mang đến cổng chào thôn H để cho các đối tượng chưa có hung khí cầm theo. Sau khi lấy hung khí, cả nhóm đi xe mô tô đến phòng trọ của Nguyễn Văn P3 và Nguyễn Văn B2. Khi đi Hoàng Đình P2 cầm theo thanh kim loại có gắn lưỡi dao, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-283.90 chở Lê Huy G cầm theo một gậy gỗ và Vũ Văn T9 cầm theo một thanh kim loại; Nguyễn Văn T10 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-271.03 chở Hàng Quốc V2 cầm theo một cây đinh ba; Phan Văn Ngọc H11 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-235.95 chở Lê Huy H5 cầm theo một thanh kim loại và Hoàng Trọng H3 cầm theo một cây gậy gỗ; Đặng Thanh P1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-015.42 chở Hồ Xuân P4 và Nguyễn Văn P5, mỗi người cầm theo một

gậy gỗ; Đoàn Văn S1 cầm theo hai gậy gỗ, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-139.44 chở Lê Hữu D1 và Hoàng Phúc H2 cầm theo một thanh kim loại; Trương Văn M cầm theo một thanh kim loại, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B2-665.55 chở Phạm Hoàng A cầm theo hai cây mã tấu và Nguyễn Bình N cầm theo một thanh kim loại; Trương Ngọc Đ1 cầm theo một gậy ba khúc, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-236.61 chở Trương Đức L2 cầm theo một cờ lê 21 bằng kim loại; Đoàn Đức L3 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1-221.40 chạy theo nhóm của Hoàng Đình P2 để tham gia đánh nhau. Khi đi, Đoàn Đức L3 rủ và sau đó chở theo hai người bạn là Nguyễn Hoàng Tuấn D2 (sinh năm 2004) và Nguyễn Ngọc P6 (sinh năm 2004), cùng trú tại thôn I, xã E, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk, nhưng không nói cho Nguyễn Hoàng Tuấn D2 và Nguyễn Ngọc P6 biết việc Đoàn Đức L3 đang đi tham gia đánh nhau cùng với nhóm của Hoàng Đình P2.

Đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, Hoàng Đình P2 cùng các đối tượng trên đi đến trước đường hẻm dẫn vào dãy phòng trọ mà Nguyễn Văn P3 đang thuê rồi dừng xe mô tô và đi bộ vào. Hoàng Đình P2 cầm thanh kim loại gắn lưỡi dao đi trước, dẫn theo các đối tượng cầm hung khí đã mang theo đi vào. Do thấy cửa phòng trọ đang đóng, nên Hoàng Đình P2 dùng tay gõ cửa phòng và cùng các đối tượng cầm hung khí đứng chờ trước cửa phòng. Lúc này, trong phòng trọ Nguyễn Văn P3 đang nằm ngủ ở trên gác xếp, còn Nguyễn Văn B2 đang uống rượu cùng với Nguyễn Chí T8, Nguyễn Minh H12 và Lương Thị Mai A1. Khi nghe có tiếng gõ cửa, Lương Thị Mai A1 mở cửa. Lúc này, Hoàng Đình P2 đẩy mạnh cửa rồi cầm thanh kim loại gắn lưỡi dao xông vào trong, thấy Nguyễn Văn B2 đang uống rượu cùng Nguyễn Chí T8 và Nguyễn Minh H12 trên nền nhà của phòng trọ, thì P2 dùng dao chém Nguyễn Chí T8 một nhát trúng vào vùng đầu của T8, bị chém T8 quay đầu lại nhìn thì P2 chém tiếp nhát thứ hai, T8 nghiêng đầu né tránh, đồng thời giơ tay phải lên đỡ thì bị chém trúng vào mu bàn tay phải. Sau đó, Hoàng Đình P2 tiếp tục quay sang chém liên tiếp theo hướng từ trên xuống dưới vào người Nguyễn Văn B2, trong đó một nhát trúng vào đầu của B2. Bị chém, B2 nghiêng người tránh và giơ hai tay lên che đầu, thì bị P2 chém nhiều nhát vào hai tay và lưng. Lúc này, Trương Văn M, Phan Văn Ngọc H11 và Hoàng Phúc H2 mỗi người cầm một thanh kim loại, Lê Huy G, Đoàn Văn S1 mỗi người cầm một gậy gỗ, Phạm Hoàng A cầm một thanh kim loại và một cây mã tấu, Hàng Quốc V2 cầm một cây đinh ba xông vào trong phòng trọ cùng tham gia đánh Nguyễn Văn B2, Nguyễn Chí T8, dẫn đến Nguyễn Chí T8 bị đánh vào vùng hạ bộ làm dập tinh hoàn. Tại thời điểm nhóm của Hoàng Đình P2 xông vào phòng trọ đánh Nguyễn Chí T8 và Nguyễn Văn B2, thì Lương Thị Mai A1 đứng nép vào phía sau cánh cửa chính của phòng trọ, Nguyễn Minh H12 bỏ chạy vào góc phòng trọ. Lúc này, Nguyễn Văn P3 đang nằm ở trên gác xếp, nghe tiếng ồn ào thì thức dậy, thấy nhóm của mình bị đánh, P3 cầm một thanh kim loại ở trên gác phòng trọ đánh lại nhóm của Hoàng Đình P2, thì P2 dùng hung khí đỡ lại làm hung khí của P2 bị rơi lại trên nền phòng trọ. Khi thấy Nguyễn Văn P3 chống trả lại, thì nhóm của Hoàng Đình P2 bỏ chạy ra ngoài cửa phòng, Nguyễn Chí T8 và Lương Thị Mai A1 đóng cửa lại, nên Hoàng Đình P2 bị kẹt lại bên trong phòng trọ. Trong lúc chạy ra ngoài phòng trọ, thì cây đinh ba của Hàng Quốc V2 bị mắc kẹt ở cửa chính của phòng trọ. Thấy vậy, Phạm Hoàng A đã dùng cây mã tấu chém liên tiếp hai nhát vào cánh cửa chính của phòng trọ làm kính bị vỡ và cửa phòng trọ mở ra, Hàng Quốc V2 rút được

cây đinh ba ra, thấy cửa phòng trọ được mở ra thì Hoàng Đình P2 cũng chạy ra khỏi phòng trọ.

Trong lúc Hoàng Đình P2, Trương Văn M, H, Lê Huy G, Hoàng Phúc H2, Đoàn Văn S1, Phan Văn Ngọc H11, Phạm Hoàng A vào trong phòng trọ sử dụng hung khí đánh, chém Nguyễn Chí T8 và Nguyễn Văn B2, thì do diện tích đường luồng để đi vào dãy phòng trọ hẹp, diện tích của phòng trọ nhỏ, chỉ có một cánh cửa để vào bên trong phòng trọ, nên Trương Ngọc Đ1, Nguyễn Văn T10, Lê Huy H5, Vũ Văn T9, Hồ Xuân P4, Lê Hữu D1, Hoàng Trọng H3, Đoàn Đức L3, Nguyễn Bình N, Trương Đức L2, Đặng Thanh P1, Nguyễn Văn P5 không vào được bên trong để tham gia đánh nhau, nhưng Trương Ngọc Đ1, Nguyễn Văn T10, Lê Huy H5, Vũ Văn T9, Hồ Xuân P4, Lê Hữu D1, Hoàng Trọng H3, Đoàn Đức L3, Nguyễn Bình N, Trương Đức L2, Đặng Thanh P1 và Nguyễn Văn P5 đã cầm sẵn hung khí đứng trước cửa chính, cửa sổ của phòng trọ và đứng tại đường luồng để hỗ trợ, chặn đánh khi nhóm của Nguyễn Văn P3 bỏ chạy ra ngoài. Đối với Nguyễn Văn N2 sau khi được P2 gọi nhờ đi giúp P2 đánh nhau, nhưng do không có mặt tại huyện M, nên N2 đã gọi điện nhờ Phan Văn Ngọc H11 đi đánh nhau giúp Hoàng Đình P2. Sau khi N2 nhờ, thì H11 đồng ý và trực tiếp cùng với nhóm Hoàng Đình P2 xông vào bên trong phòng trọ đánh nhóm Nguyễn Văn P3. Đến khi thấy Nguyễn Văn B2 và Nguyễn Chí T8 bị thương, chảy nhiều máu, thì nhóm Hoàng Đình P2 mới bỏ đi. Còn Nguyễn Văn B2 và Nguyễn Chí T8 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế H13'Đắk, sau đó chuyển lên Bệnh viện Đ3 để điều trị.

*Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 36/TgT-TTPY ngày 05-01-2022, Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ đối với Nguyễn Văn B2 kết luận:*

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **19%**; vật tác động: Vật sắc và vật tày có cạnh cứng.

*Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 184/TgT-TTPY ngày 21-02-2022, Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ kết luận thương tích đối với Nguyễn Văn B2:*

Tỷ lệ tổn thương cơ thể là **26%** (hai mươi sáu phần trăm); vật tác động: Vật sắc và vật tày có cạnh cứng; cơ chế hình thành thương tích: Vết thương để lại sẹo nằm dọc trán lệch phải (đầu trên sát chân tóc) do vật tày có cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau; vết thương để lại sẹo nằm chéo cằm phải (đầu trên sát đường giữa, trên ụ cằm) do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ phải qua trái; vết thương để lại hai sẹo nông mờ vùng lưng phải hơi cong xuống dưới thứ tự từ trên xuống (sẹo thứ nhất ngay dưới bờ xương bả vai phải, sẹo thứ hai cách sẹo thứ nhất về phía dưới 7 cm) do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước, từ trái qua phải; trầy xước để lại sẹo nông mờ sau ngoài vai phải, trên bờ sau hố nách 2,5 cm do vật tày có cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải; vết thương để lại sẹo ngay mồm trâm trụ phải do vật tày có cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau; vết thương bàn tay phải lộ xương bàn II gãy nhiều mảnh, đứt gân duỗi riêng và chung ngón II do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới,

từ trước ra sau, từ trái qua phải; vết thương dạng móc câu mặt sau cánh - khuỷu tay trái, đứt gân cơ tam đầu do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau; vết thương và vết mổ để lại sẹo mặt lòng bàn tay trái, đứt gân gấp sâu ngón IV bàn tay trái do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau; gãy đầu xa xương đốt xa ngón I bàn tay trái do vật tày có cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

*Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 241/TgT-TTPY ngày 11-3-2022, Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Đ đối với Nguyễn Chí T8 kết luận:*

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **9%**; vật tác động: Vật sắc, vật tày có cạnh và vật tày, cứng; cơ chế hình thành thương tích: Vết thương để lại sẹo hơi chéo đỉnh phải do vật sắc tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái; xây xát da để lại hai sẹo mặt mu xương bàn I tay phải do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau; chấn thương dập tinh hoàn phải do vật tày, cứng tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau.

*Trách nhiệm dân sự:*

Sau khi vụ án xảy ra, gia đình các bị cáo thỏa thuận và liên đới bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Văn B2 số tiền là 200.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Chí T8 số tiền là 140.000.000 đồng. Anh B2 và anh T8 không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 18-7-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:***

**1.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trương Văn M 11 (**mười một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**2.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạm Hoàng A (tên gọi khác: Đen Hảo) 11 (**mười một**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**3.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Hoàng Phúc H2 10 (**mười**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**4.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trương Ngọc Đ1 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**5.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:



- Trương Đức L2 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-02-2023.

**6.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Bình N 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**7.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Hoàng Trọng H3 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**8.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự:

- Nguyễn Văn N2 07 (**bảy**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**9.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Huy H5 (tên gọi khác: Cún V) 06 (**sáu**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**10.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đoàn Đức L3 06 (**sáu**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**11.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thanh P1 06 (**sáu**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-02-2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 10 bị cáo khác; ghi nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại; quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### ***Kháng cáo:***

- Từ ngày 20-7-2023 đến ngày 28-7-2023, Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Hoàng Phúc H2, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Nguyễn Bình N, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5, Đoàn Đức L3 và Đặng Thanh P1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, 11 bị cáo gồm: Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Hoàng Phúc H2, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Nguyễn Bình N, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5, Đoàn Đức L3 và Đặng Thanh P1 kháng cáo bản án. Đơn

kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Nguyễn Bình N, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5 và Đặng Thanh P1 giữ nguyên kháng cáo; các bị cáo Hoàng Phúc Hiệp Đoàn Đức L6 rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348; các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Hoàng Phúc H2 và Đoàn Văn L7.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5 và Đặng Thanh P1.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bình N.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 18-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Bình N giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh tụng công khai; các Luật sư có đơn xin xét xử vắng mặt đều được Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố quan điểm bào chữa và các bị cáo đều thống nhất với các quan điểm này; nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Do trước đó có mâu thuẫn với Nguyễn Văn P3 (là em của Nguyễn Văn B2), nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01-01-2022, Hoàng Đình P2 đã rủ các bị cáo (trong vụ án) đến phòng trọ của anh Nguyễn Văn P3 và anh Nguyễn Văn B2 để tìm đánh anh P3 và anh B2, thì tất cả đồng ý. Khi đi, các bị cáo đã chuẩn bị hung khí như dao, kiếm, mã tấu, gậy sắt và các loại hung khí nguy hiểm khác, sau đó tập trung tại cổng chào thôn H, xã E, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, Hoàng Đình P2 cùng Trương Văn M, H, Lê Huy G, Hoàng Phúc H2, Đoàn Văn S1, Phan Văn Ngọc H11, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Nguyễn Văn T10, Lê Huy H5, Vũ Văn T9, Hồ Xuân P4, Đoàn Đức L6, Hoàng Trọng H3, Lê Hữu D1, Nguyễn Bình N, Trương Đức L2, Đặng Thanh P1 và Nguyễn Văn P5 đến phòng trọ của anh Nguyễn Văn P3. Khi đến nơi, P2 cùng đồng bọn xông vào bên trong rồi dùng dao, mã tấu, gậy sắt và hung khí nguy hiểm mang theo đâm, chém, đập mạnh liên tiếp vào vùng đầu và người của anh Nguyễn Chí T8 và anh Nguyễn Văn B2; hậu quả, anh Nguyễn Văn B2 bị thương tích, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 26%, anh Nguyễn Chí T8 bị thương tích, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%.

Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, Hoàng Đình P2 đã rủ các bị cáo khác đi đánh, chém các bị hại. Hành vi của các bị cáo là sử dụng hung khí nguy hiểm (dao, kiếm, mã tấu, gậy sắt, gậy gỗ, cà lê, gậy ba khúc, đinh ba) trực tiếp tấn công vào các vùng trọng yếu (vùng đầu, lưng, ngực) của anh Nguyễn Văn B2 và anh Nguyễn Chí T8 với cường

độ tấn công liên tục và quyết liệt. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo nhận thức và thấy trước hành vi của mình có khả năng dẫn đến hậu quả chết người. Tuy nhiên, các anh Nguyễn Văn B2, Nguyễn Chí T8 không chết là ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo và do được cấp cứu kịp thời.

Trong vụ án này, khi được Hoàng Đình P2 rủ rê, lôi kéo, thì tất cả các bị cáo đều đồng ý rồi mang theo hung khí để thực hiện hành vi phạm tội, do đó tất cả các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả đã gây ra. Đối với Nguyễn Văn N2, mặc dù không trực tiếp tham gia đánh nhau, nhưng sau khi được Hoàng Đình P2 rủ, thì N2 đã gọi điện thoại cho Phan Văn Ngọc H11 và nói H11 đi đánh nhau giúp P2, nên bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Với các hành vi phạm tội như đã nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án các bị cáo Hoàng Đình P2, Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Hoàng Phúc H2, Lê Huy G, Phan Văn Ngọc H11, Hàng Quốc V2, Đoàn Văn S1, Hồ Xuân P4, Nguyễn Văn T10, Vũ Văn T9, Trương Ngọc Đ1, Lê Huy H5, Đoàn Đức L6, Trương Đức L2, Nguyễn Bình N, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn P5, Lê Hữu D1, Đặng Thanh P1 và Nguyễn Văn N2 về tội “Giết người”, với các tình tiết định khung: “Giết 02 người trở lên” và “Có tính chất côn đồ”, theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

#### [2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo đều có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi; biết rõ mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe, tính mạng của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc. Tuy nhiên, do bản tính côn đồ, sẵn sàng giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, các bị cáo đã sử dụng hung khí rồi cố ý thực hiện tội phạm. Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của các bị hại; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo cùng chung ý chí, cùng hành động, nhưng mức độ tham gia là khác nhau, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét vai trò, đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi, cân nhắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

- Đối với các bị cáo kháng cáo: **(1)** Trương Văn M: Là người chuẩn bị hung khí cho các bị cáo khác; đồng thời, bị cáo là người thực hành tích cực nhất, dùng thanh kim loại liên tiếp đánh các bị hại, **(2)** Phạm Hoàng A: Tham gia với vai trò tích cực, bị cáo cầm dao, mã tấu chém thương tích cho bị hại và còn là người rủ rê Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Hoàng Trọng H3 cùng phạm tội, **(3)** Hoàng Phúc H2: Khi được Hoàng Đình P2 rủ rê thì bị cáo chuẩn bị hung khí và tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, cùng với P2 đi vào phòng trọ để đánh các bị hại; **(4)** Trương Ngọc Đ1, **(5)** Trương Đức L2, **(6)** Nguyễn Bình N, **(7)** Hoàng Trọng H3: Mặc dù, các bị cáo không có mâu thuẫn với các bị hại, nhưng khi được rủ rê, các bị cáo đã hưởng ứng tích cực, cầm theo hung khí là gậy ba khúc, gậy sắt và gậy gỗ cùng với nhóm của Hoàng Đình P2 đi đến phòng trọ của anh Nguyễn Văn P3 để đánh nhau. Do diện tích phòng trọ hẹp, nên các bị cáo đã cầm sẵn hung khí đứng bên ngoài, nhằm hỗ trợ cho nhóm của P2 và chặn đánh nhóm của bị hại nếu thoát ra ngoài; **(8)** Lê Huy H5, **(9)** Đoàn Đức L6, **(10)** Đặng

Thanh P1: Khi được rủ đi đánh nhau, các bị cáo đã tích cực tham gia, cầm theo hung khí, cùng nhóm của P2 đi đến phòng trọ của bị hại rồi cầm sẵn hung khí đứng bên ngoài, nhằm hỗ trợ cho nhóm của P2. Mặc dù, các bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho các bị hại, nhưng hành vi của các bị cáo là tham gia với vai trò là người giúp sức, chuẩn bị công cụ phạm tội và tạo động lực cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội và (11) Nguyễn Văn N2: Mặc dù, bị cáo không trực tiếp tham gia đánh nhau vào tối ngày 01-01-2022, nhưng sau khi được P2 rủ rê, bị cáo đã gọi điện cho Phan Văn Ngọc H11 và nói H11 đi đánh nhau giúp P2. Sau đó, H11 đã cùng bị cáo P2 tham gia đánh nhau và gây thương tích cho các bị hại, do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, Trương Văn M có ông, bà nội là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và gia đình thuộc diện hộ nghèo; Phạm Hoàng A có ông, bà nội là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và gia đình thuộc diện hộ nghèo; Hoàng Phúc H2 có ông nội là Liệt sỹ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Lê Huy H5 có ông, bà nội là người có công với Cách mạng, đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và gia đình thuộc diện hộ nghèo; Trương Ngọc Đ1 có ông nội là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Trương Đức L2 có ông là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, gia đình có công với cách mạng và thuộc diện hộ nghèo; Hoàng Trọng H3 có ông nội là Liệt sỹ; Đoàn Đức L6 có bà ngoại là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và Đặng Thanh P1 có ông, bà nội là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt các bị cáo từ 06 năm tù đến 11 năm 06 tháng tù là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo Hoàng Phúc H2 và Đoàn Đức L6 kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, nên căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5 và Đặng Thanh P1 kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng các bị cáo không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội với nhiều tình tiết định khung hình phạt, có tính chất băng nhóm, có hành động phạm tội rất quyết liệt; do đó, để cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Bình N kháng cáo xin giảm hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi không trực tiếp đánh,

chém bị hại, mà chỉ tham gia với vai trò giúp sức; đồng thời, bị cáo cung cấp được các tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là gia đình có công với Cách mạng, có bà được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, gia đình thuộc hộ nghèo (có Giấy chứng nhận). Vì vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và chỉ có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bình N.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5 và Đặng Thanh P1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Bình N được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1, 3 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Hoàng Phúc H2 và Đoàn Đức L6; hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 18-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực thi hành.

**2.** Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2, Lê Huy H5 và Đặng Thanh P1.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bình N.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 18-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần Trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Bình N.

**3.** Về trách nhiệm hình sự:

**3.1.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trương Văn M 11 (**mười một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**3.2.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạm Hoàng A (tên gọi khác: Đen Hảo) 11 (**mười một**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**3.3.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trương Ngọc Đ1 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**3.4.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trương Đức L2 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-02-2023.

**3.5.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Hoàng Trọng H3 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**3.6.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự:

- Nguyễn Văn N2 07 (**bảy**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**3.7.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Bình N 07 (**bảy**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-10-2022.

**3.8.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Huy H5 (tên gọi khác: Cún V) 06 (**sáu**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-7-2022.

**3.9.** Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thanh P1 06 (**sáu**) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-02-2023.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, g và h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trương Văn M, Phạm Hoàng A, Trương Ngọc Đ1, Trương Đức L2, Hoàng Trọng H3, Nguyễn Văn N2 và Lê Huy H5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hoàng Phúc H2, Đoàn Đức L6 và Nguyễn Bình N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;  
(12 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Các bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Việt Cường**